

Bản án số: 152/2022/DS-PT

Ngày: 16-8-2022

V/v tranh chấp chia tài sản  
chung, chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.  
Ông Lê Văn Duy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B; cư trú tại: Số 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của bà B:* Bà Lê Thị E; cư trú tại: 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/10/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L; cư trú tại: 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Ngọc H; cư trú tại: Tổ 10, khối 6, phường K, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Ông Đặng Hoàng P; cư trú tại: Số 25 N, tổ dân phố 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

*Người đại diện hợp pháp của ông H, ông P:* Bà Lê Thị E là người đại diện

theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/10/2021).

3. Bà Lê Thị E; cư trú tại: 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

4. Ông Đặng Thành P; có mặt.

5. Ông Đặng Thành V; vắng mặt.

6. Ông Đặng Thanh D; có mặt.

Cùng cư trú tại: 269/36 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B.

7. Ông Đặng Hoàng M (chết ngày 05/01/2022)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Hoàng M:*

7.1 Bà Lê Thị E; cư trú tại: 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B.

7.2 Ông Đặng Hoàng T; cư trú tại: Tổ 15, thôn S, xã N, huyện C, tỉnh BR; vắng mặt.

7.3 Bà Đặng Hoàng Thúy L cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh B; vắng mặt.

7.4 Bà Đặng Hoàng Thúy M; cư trú tại: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B; vắng mặt.

7.5 Bà Đặng Hoàng Thúy H; cư trú tại: Số 48/11 H, phường B, thị xã A, tỉnh B; vắng mặt.

7.6 Bà Đặng Hoàng Phương T; cư trú tại: 82/2 B, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; vắng mặt.

7.7 Ông Đặng Lê Hoàng P; cư trú tại: 269/38 T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị E là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bà Trần Thị L là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị B là bà Lê Thị E trình bày:

Cụ Đặng H (chết ngày 01/3/1993) và cụ Lê Thị B có 06 người con, gồm: Đặng Hoàng M (chết ngày 05/01/2022 có vợ là Lê Thị E và 06 người con là Đặng Hoàng T, Đặng Hoàng Thúy L, Đặng Hoàng Thúy M, Đặng Hoàng Thúy H, Đặng Hoàng Phương T, Đặng Lê Hoàng P); ông Đặng Ngọc H (chết năm 2018, có vợ là Trần Thị L và 03 người con là Đặng Thành V, Đặng Thành P, Đặng Thành D); ông Đặng Ngọc H; ông Đặng Hoàng P. Ngoài ra cụ H, cụ B không có con nuôi hoặc con riêng. Cụ Đặng H chết không để lại di chúc. Cụ Đặng H và cụ Lê Thị B tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất số 979, tờ bản đồ số 01, diện tích 427m<sup>2</sup> ở Cẩm Văn, Nhơn Hưng, An Nhơn, B. Lúc còn sống cụ H và cụ B ở trên ngôi nhà này. Sau khi cụ H chết cụ B tiếp tục ở. Năm 1996, nhà xuống cấp hư hỏng nên đã tháo dỡ và vợ

chồng ông Đặng Ngọc H và bà Trần Thị L đã xây dựng một ngôi nhà trên phần đất của cụ H và cụ B. Năm 2014, được sự đồng ý của gia đình, vợ chồng ông Đặng Ngọc M, bà Lê Thị E xây dựng một ngôi nhà trên nền nhà cũ của vợ chồng cụ Đặng H, cụ Lê Thị B để ở. Hiện tại trên thửa đất này có hai ngôi nhà. Năm 1993, nhà nước công nhận cho cụ Đặng H được quyền sử dụng thửa đất số 979, tờ bản đồ số 01, diện tích 427m<sup>2</sup> (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở và 227m<sup>2</sup> đất vườn) và 04 thửa đất trồng lúa (thửa đất 542, diện tích 848m<sup>2</sup>; thửa 540A, diện tích 546m<sup>2</sup>; thửa 592, diện tích 656m<sup>2</sup>; thửa 518, diện tích 388m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 03 tại xã N, A; tất cả các thửa ruộng này bà L đang canh tác) đã được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) huyện A (nay là thị xã A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01676.QSĐĐ/18 ngày 17/9/1995 đứng tên cụ Lê Thị B. Nay cụ B yêu cầu chia tài sản chung của cụ trong khối tài sản chung với cụ Đặng Hiền là quyền sử dụng thửa đất 979 và các thửa đất trồng lúa đồng thời chia di sản thừa kế của cụ H để lại. Phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ H và kỷ phần thừa kế cụ được nhận từ cụ H thì cụ tặng cho bà Lê Thị E.

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Cha mẹ chồng bà là cụ Đặng H (chết ngày 01/3/1990) và cụ Lê Thị B. Cha mẹ chồng có 04 người con là: Đặng Hoàng M, Đặng Ngọc H (là chồng bà chết năm 2018), Đặng Ngọc H, Đặng Hoàng P. Cụ Đặng H chết không để lại di chúc. Năm 1993, khi nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất hộ của cụ Lê Thị B có 06 nhân khẩu gồm: Vợ chồng bà (Đặng Ngọc H, Trần Thị L), 01 người con là Đặng Thành V, mẹ chồng Lê Thị B và hai em chồng Đặng Ngọc H, Đặng Hoàng P. Nhà nước giao cho hộ bà B quyền sử dụng các thửa đất và đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà B trình bày. Năm 2000, cụ Bích lên Đ ở với ông Đặng Ngọc H, đã giao phần ruộng nhà nước cấp cho cụ B và phần ruộng của ông Đặng Ngọc H, Đặng Hoàng P cho bà canh tác để trả nợ và lo hương khói cho ông bà. Năm 2005, mẹ chồng về lại quê đã lập văn bản ủy quyền giao toàn bộ nhà đất, phần ruộng cho vợ chồng bà quản lý, canh tác. Đối với nguồn gốc phần đất vợ chồng bà xây dựng nhà, thì năm 1990 bà về làm dâu ở chung với cha mẹ chồng trên ngôi nhà tranh vách đất được xây dựng trên thửa đất do cha mẹ chồng tạo lập. Giữa năm 1994, nhà sập một phần không có chỗ ở mẹ chồng chỉ cho vợ chồng bà một phần đất ở phía Tây Nam để vợ chồng xây dựng nhà ở gồm phòng thờ, phòng khách, thêm chái phòng ngủ, phía sau là bếp. Năm 1996, vợ chồng bỏ tiền để trét xi măng, thay lại nền. Sau khi xây dựng nhà, vợ chồng thuê xe đổ đất nâng phần đất trống còn lại của thửa đất cụ Bích. Bởi thửa đất của cụ Bích có tên gọi là đầm Hàm sâu so với mặt đường, vợ chồng bà thuê xe đổ đất nâng lên ngang mặt đường đất, chi phí khoảng 5.000.000 đồng. Năm 2012, khi nhà nước đổ bê tông đường trước nhà vợ chồng thuê xe đổ đất nâng nền giá trị khoảng 5.000.000đ. Cuối năm 2014, vợ chồng ông Đặng Hoàng Minh về xây dựng một ngôi nhà trên phần đất còn lại của thửa đất mẹ chồng bà. Năm 2016, vợ chồng ông Minh xây dựng tường rào ngăn đôi thửa đất một phần nhà của bà một phần nhà của ông Minh ở đến nay. Phần ruộng Nhà nước cân đối giao quyền mỗi người 400m<sup>2</sup>, trong đó có phần của ông Đặng Ngọc H, ông Đặng Hoàng P trước kia cụ B giao cho bà canh tác, nay họ đòi thì bà đồng ý trả lại. Còn phần ruộng của cụ B đã cho bà. Riêng phần nhà đất mà vợ chồng bà đã xây

dựng từ năm 1994 đề nghị xem xét để mẹ con bà tiếp tục ở, phần đất vườn, đất ở còn lại chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị E trình bày:

Thông nhất như lời trình bày và yêu cầu của cụ B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc H và ông Đặng Hoàng P là bà Lê Thị E trình bày:

Thông nhất như lời trình bày và yêu cầu của cụ B. Đồng thời các ông tự nguyện tặng cho bà Lê Thị E kỷ phần thừa kế của mình được nhận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng M là ông Đặng Hoàng T, bà Đặng Hoàng Thuý L, bà Đặng Hoàng Thuý M, bà Đặng Hoàng Thuý H, bà Đặng Hoàng Phương T và ông Đặng Lê Hoàng P thống nhất trình bày:

Thông nhất như lời trình bày và yêu cầu của cụ B. Đồng thời các ông, bà tự nguyện tặng cho bà Lê Thị E kỷ phần thừa kế của mình được nhận từ ông Đặng Hoàng Minh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thành V, ông Đặng Thành P và ông Đặng Thành D trình bày:

Các ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Trần Thị L. Các ông tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế được nhận từ ông Đặng Ngọc H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

Bà Lê Thị E được quyền sở hữu phần nhà ký hiệu (1) và (3) và quyền sử dụng đất có diện tích 202,4m<sup>2</sup> (trong đó 160m<sup>2</sup> đất ở và 42,4m<sup>2</sup> đất vườn) được ký hiệu A.

Bà Trần Thị L được quyền sở hữu phần nhà ký hiệu (2) và quyền sử dụng đất có diện tích 169,4m<sup>2</sup> (trong đó 40m<sup>2</sup> đất ở và 129,4m<sup>2</sup> đất vườn) được ký hiệu B (Có sơ đồ hiện trạng ngày 21/4/2022 kèm theo bản án sơ thẩm).

Bà Lê Thị E được quyền sử dụng canh tác đất trồng lúa đối với thửa đất 542, diện tích 848m<sup>2</sup> và thửa 540b, diện tích 546m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 02 ở phường Nhơn Hưng, thị xã A, tỉnh B có tục danh Cây ngái. Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao 02 thửa ruộng 542, diện tích 848m<sup>2</sup> và thửa 540b, diện tích 546m<sup>2</sup> có tục danh Cây ngái cho bà Lê Thị E canh tác sử dụng sau khi thu hoạch vụ đông xuân năm 2021 - 2022 (có trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 2000).

Bà Trần Thị L được quyền sử dụng đất trồng lúa đối với thửa đất 518 diện tích 388m<sup>2</sup> và thửa 592 diện tích 656m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 02 ở phường N, thị xã A, tỉnh B (có trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 2000).

Buộc bà Trần Thị L thanh toán cho bà Lê Thị E tiền chênh lệch đất ở và 167.620.000đ.

Buộc bà Lê Thị E thanh toán cho bà Trần Thị L tiền chênh lệch cân đối giao quyền đất trồng lúa 37.851.200đ, giá trị tiền nhà chài diện tích 21,4m<sup>2</sup> 23.343.120đ,

giá trị phần nhà vệ sinh 6.146.658đ, giá trị hầm ngầm vệ sinh 3.033.600đ, công sức bảo quản, tôn tạo di sản 7.000.000đ, tiền nâng đất vườn 5.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04/5/2022, bà Trần Thị L kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, phân chia lại toàn bộ tài sản chung, di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2022, bà Lê Thị E kháng cáo không đồng ý thanh toán lại giá trị hệ thống hầm ngầm vệ sinh, nhà vệ sinh, giá trị hiên chài, công sức bảo quản, tôn tạo di sản, tiền nâng đất vườn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét cho bà L và những người con của ông H được hưởng thêm một phần công sức quản lý tôn tạo di sản với giá trị tương đương với một kỷ phần thừa kế.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về kháng cáo của bà Lê Thị E, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa bà Lê Thị E rút toàn bộ kháng cáo (có đơn xin rút kháng cáo đề ngày 21/7/2022). Do đó, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà E theo quy định tại Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị L, HĐXX thấy rằng: Theo quy định của pháp luật thì bà lẽ ra L chỉ được nhận 20m<sup>2</sup> đất ở và 75,59m<sup>2</sup> đất vườn, nhưng nếu buộc bà L tháo dỡ các tài sản trên đất giao cho bà E, thì sẽ ảnh hưởng giá trị sử dụng của các tài sản này cũng như phá vỡ ranh giới, hiện trạng thực tế mà các bên các bên sử dụng đã ổn định từ năm 2016 đến nay nên cấp sơ thẩm giao cho bà L thêm 20m<sup>2</sup> đất ở và 53,81m<sup>2</sup> đất vườn thuộc quyền sử dụng của bà E và buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà E 167.620.000 đồng giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất là đúng pháp luật, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bà L còn cho rằng cấp sơ thẩm tuyên công sức bảo quản di sản chưa phù hợp; buộc bà E phải thanh toán cho bà giá trị nhà vệ sinh, hệ thống hầm ngầm, tiền nâng đất vườn là quá thấp, không phù hợp; án phí bà phải chịu là rất cao. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận công sức bảo quản di sản có giá trị 7.000.000 đồng, là phù hợp với thực tế công sức của vợ chồng bà L đã bỏ ra trong quá trình sinh sống tại thửa đất số 979, tờ bản đồ số 01. Còn giá trị những tài sản khác là do Hội đồng định giá căn cứ vào các quy định của pháp luật về định giá tài sản để quyết định nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản định giá ngày 14/12/2021 để quyết định về giá trị của những tài sản trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với mức án phí dân sự sơ thẩm, thì cấp sơ thẩm buộc bà Lan phải chịu 22.530.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị L là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của bà L không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị E được miễn nộp, bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về việc giải quyết vụ án có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 295, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị E. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

1. Thửa đất 979, tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc thực tế 371,8m<sup>2</sup> (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở và 171,8m<sup>2</sup> đất vườn), theo hiện trạng có tứ cận: Đông giáp thửa đất 980; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp thửa đất 816 được chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà như sau:

1.1 Bà Lê Thị E được quyền sở hữu phần nhà ký hiệu (1) và (3) và quyền sử dụng đất có diện tích 202,4m<sup>2</sup> (trong đó 160m<sup>2</sup> đất ở và 42,4m<sup>2</sup> đất vườn) được ký hiệu A.

1.2 Bà Trần Thị L được quyền sở hữu phần nhà ký hiệu (2) và quyền sử dụng đất có diện tích 169,4m<sup>2</sup> (trong đó 40m<sup>2</sup> đất ở và 129,4m<sup>2</sup> đất vườn) được ký hiệu B (Có sơ đồ hiện trạng ngày 21/4/2022 kèm theo bản án sơ thẩm).

1.3 Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị E 167.620.000 đồng giá trị chênh lệch đất ở.

## **2. Về 04 thửa đất ruộng, được phân chia như sau:**

2.1 Bà Lê Thị E được quyền sử dụng đất trồng lúa đối với thửa đất số 542, diện tích 848m<sup>2</sup> và thửa đất số 540b, diện tích 546m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 02 tại phường N, thị xã A, tỉnh B. Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao 02 thửa đất ruộng này cho bà Lê Thị E, sau khi thu hoạch vụ đông xuân năm 2021 - 2022 (có trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 2000).

2.2 Bà Trần Thị L được quyền sử dụng đất trồng lúa đối với thửa đất số 518 diện tích 388m<sup>2</sup> và thửa đất số 592 diện tích 656m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 02 tại phường N, thị xã A, tỉnh B (có trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 2000).

**3.** Buộc bà Lê Thị E phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị L giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất trồng lúa: 37.851.200 đồng, giá trị tiền mái hiên chài: 23.343.120 đồng, giá trị phần nhà vệ sinh: 6.146.658đ, giá trị hệ thống hầm ngầm vệ sinh: 3.033.600 đồng, công sức bảo quản, tôn tạo di sản: 7.000.000 đồng, tiền nâng đất vườn: 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 75.374.578 đồng.

## **4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:**

### **4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Lê Thị B là người cao tuổi nên được miễn nộp. Bà Lê Thị E được miễn nộp án phí đối với giá trị phần tài sản bà được nhận, nhưng phải chịu 19.707.360 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản được ông Đặng Ngọc H và ông Đặng Hoàng P tặng cho.

- Bà Trần Thị L phải chịu 22.530.000 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản bà được nhận.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0005252 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

4.3 Chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Lê Thị E 3.500.000 đồng chi phí đo đạc và định giá tài sản.

## **5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:**

5.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Võ Công Phương**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tuấn**

**Lê Văn Duy**

**Võ Công Phương**





